

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nam

2. Ông Lê Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số 109 đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Công H - Phó Giám đốc Trung tâm Giám sát Kinh doanh - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 95/2020/QĐ-LBP.QTR ngày 15/5/2020), có mặt.

Bị đơn: Chị Dương Thị Thùy T; địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện H2, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/6/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Quảng Trị đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 với chị Dương Thị Thùy T, số tiền được cấp tín dụng là 50.000.000 đồng, chị Dương Thị Thùy T đã nhận đủ tiền vay trong ngày 29/6/2018. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất 09%/năm. Phương pháp áp dụng lãi suất: Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm

chuyển nợ quá hạn, cụ thể lãi suất quá hạn là 13,5%/năm. Lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm.

Theo cam kết về việc trả nợ, hàng tháng chị Dương Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (sau đây viết tắt thương mại cổ phần là TMCP) B số tiền gốc là 1.390.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo ngày thực tế trong tháng. Quá trình thu hồi nợ, chị Dương Thị Thùy T đã trả được 5 kỳ và một phần gốc của kỳ thứ 6, mỗi kỳ tương ứng với một tháng, từ thời điểm 29/6/2018 đến 10/01/2019, với tổng số tiền gốc đã trả là 7.061.352 đồng và số tiền lãi là 2.404.110 đồng. Do không trả được nợ đến hạn vào ngày 10/01/2019 nên khoản vay của chị Dương Thị Thùy T đã bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 20/01/2019. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo đề chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ. Tính đến ngày 10/9/2020 tổng dư nợ của chị Dương Thị Thùy T là 54.311.158 đồng (năm tư triệu ba trăm mười một ngàn một trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 42.938.644 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.508.221 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.864.293 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP B yêu cầu Toà án buộc chị Dương Thị Thùy T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 ký ngày 29/6/2018 với tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là: **54.311.158 đồng** (năm tư triệu ba trăm mười một ngàn một trăm năm mươi tám đồng). Trong thời gian chưa thanh toán nợ, chị Dương Thị Thùy T phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 ký ngày 29/6/2018 cho đến khi tất toán khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Thùy T gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo số 82/TB-TA ngày 25/6/2020, Thông báo số 106/TB-TA ngày 15/7/2020 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, chị T không trình bày ý kiến gì và đã vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hoà giải và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Dương Thị Thùy T phải trả cho ngân hàng TMCP B tổng số tiền vay còn nợ lại tính đến ngày 10/9/2020 là: **54.311.158 đồng** (năm tư

triệu ba trăm mười một ngàn một trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 42.938.644 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.508.221 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.864.293 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Về án phí: Chị Dương Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Thùy T như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị Thùy T.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 ký ngày 29/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP B và chị Dương Thị Thùy T là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết. Ngày 29/6/2018 chị Dương Thị Thùy T đã nhận được số tiền vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 đã ký kết nên chị T phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo cam kết tại Hợp đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc, HĐXX thấy rằng: Tại mục 4.1 Điều 4 Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 thì các bên thỏa thuận nợ gốc trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 8/2018, chia thành 36 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 1.390.000 đồng, riêng kỳ thứ 36 thì chỉ phải trả 1.350.000 đồng. Chị T đã trả được nợ gốc của 5 kỳ đầu và một phần nợ gốc của kỳ thứ 6 với tổng số tiền gốc đã trả là 7.061.352 đồng, đến thời điểm xét xử chị T còn nợ tiền gốc là: 42.938.644 đồng. Chị T không trả đủ nợ gốc đến hạn vào kỳ thứ 6 ngày 10/01/2019 là đã vi phạm cam kết về thời gian trả nợ tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 nên Ngân hàng TMCP B có quyền thu hồi nợ trước hạn. Do đó, căn cứ vào Điều 7 và mục 4.1 Điều 4 của Hợp đồng

tín dụng số HĐTD46020181883, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc, buộc chị Dương Thị Thùy T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc **42.938.644 đồng** còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ lãi, HĐXX thấy rằng: Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 09%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm, lãi trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu, bắt đầu trả lãi từ tháng 8/2018. Trong quá trình từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2019, cùng với việc trả nợ gốc thì chị Dương Thị Thùy T đã trả lãi theo cam kết với tổng số tiền là 2.404.110 đồng. Phần nợ gốc của kỳ thứ 6 chưa trả đủ nên bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 20/01/2019 và bị tính lãi suất là 13,5%/năm. Các kỳ trả nợ gốc tiếp theo cho đến thời điểm xét xử mà chị T chưa trả cũng bị tính lãi suất nợ quá hạn là 13.5%/năm. Chị T không trả gốc và lãi từ kỳ thứ 7 ngày 10/02/2019 cho đến nay nên theo cam kết về lãi suất tại Hợp đồng thì khoản tiền lãi từ kỳ thứ 7 cho đến nay cũng bị tính lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020, chị T còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền lãi là 11.372.514 đồng, trong đó lãi trong hạn là 7.508.221 đồng, lãi quá hạn là 3.864.293 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất nợ lãi quá hạn trong Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các Tổ chức Tín dụng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi 11.372.514 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận, bị đơn Dương Thị Thùy T phải có trách nhiệm trả tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là **11.372.514 đồng** và phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất cam kết tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Do đó, căn cứ vào Điều 7 và mục 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Dương Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: **54.311.158 đồng**, trong đó nợ gốc là: 42.938.648 đồng, nợ lãi là: 11.372.514 đồng. Chị Dương Thị Thùy T phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 ngày 29/6/2018 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn chị Dương Thị Thùy T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc chị Dương Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền: **54.311.158 đồng** (năm tư triệu ba trăm mười một ngàn một trăm năm mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là: **42.938.644 đồng**, tiền nợ lãi tính đến ngày 10/9/2020 là: **11.372.514 đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Dương Thị Thùy T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020181883 ngày 29/6/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Thùy T phải chịu 2.715.557 đồng (hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.288.000 đồng** (một triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai số AA/2018/0002165 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Dương sự;
- THADS Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh